

**Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 16/3/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dư

Ông Vũ Đức Bính

Thư ký phiên toà: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 22/02/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Đào Thị Kiều D, sinh năm 1992; nơi cư trú: số 2549/28/3/5 P, phường 7, quận 8, thành phố H (chị D có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** anh Vũ Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Đào Thị Kiều D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh Vũ Văn T quê ở K, Ninh Bình quen biết nhau khi đi làm ăn trong miền nam, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường 7, quận 8, Thành phố H vào ngày 03/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống và làm ăn tại thành phố H, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, khi mâu thuẫn xảy ra cả hai vợ chồng cố gắng nỗ lực để hòa giải nhưng không có kết quả, cuối năm 2019 vợ chồng chính thức sống ly thân nhau, anh T đã bỏ về nhà bố mẹ để anh T ở xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình để ở cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị D đã nhiều lần liên lạc với anh T để động viên

anh T quay về đoàn tụ, nhưng anh T nhất quyết không vào Thành phố H sinh sống và từ đó anh chị không liên hệ gì với nhau nữa, bản thân chị D không còn tình cảm gì với anh T nữa. Vì vậy, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T để hai bên còn ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: chị D và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Văn Thiện N, sinh ngày 27/6/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị D tại thành phố H. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung và công nợ chung: chị D không đề nghị Tòa án giải quyết, còn tài sản riêng của ai thì người đó sử dụng.

**Bị đơn trong vụ án là anh Vũ Văn T**, nơi cư trú tại xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh T. Mặc dù anh T đang có mặt tại nơi cư trú xóm P, xã K và anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị D với anh, nhưng anh T không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

***Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh:***

Chính quyền địa phương xã K, huyện K cung cấp: anh Vũ Văn T và chị Đào Thị Kiều D là vợ chồng, anh chị ấy có đăng ký kết hôn tại Thành phố H, do trước đó anh T học Đại học trong đó. Sau khi kết hôn anh chị ấy sống tại Thành phố H, nhưng anh T vẫn còn hộ khẩu tại địa phương. Qua nắm bắt tình hình cơ sở thì địa phương được biết vợ chồng anh chị ấy có xảy ra mâu thuẫn, còn mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết. Cuối năm 2019 anh T về quê tại xã K, huyện K sinh sống cùng bố mẹ cho đến nay. Về con cái và tài sản, do anh chị ấy sống tại Thành phố H nên địa phương không nắm được.

Bà Vũ Thị L - mẹ đẻ anh T cung cấp: anh T là con trai bà, có kết hôn với chị Đào Thị Kiều D, sinh năm 1992 hiện đang ở số 2549/28/3/5 Phạm Thế H, phường 7, quận 8, thành phố H. Sau khi anh, chị ấy kết hôn thì vợ chồng anh chị ấy sống và làm việc tại thành phố H, thì thoảng vợ chồng con cái về quê thăm bố mẹ (bà L). Bà được biết chị D có đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện K, do anh T thông báo cho bà biết. Về mâu thuẫn thì theo bà L vợ chồng anh T, chị D không có mâu thuẫn gì, nhưng không hiểu lý do gì mà anh T bỏ về quê (K) sinh sống từ cuối năm 2019 cho đến

nay, bản thân bà đã đích thân hỏi chị D về mâu thuẫn vợ chồng thì chị D có nói đe dọa đánh, giết anh T 02 lần và đuổi anh T ra khỏi nhà rất nhiều lần nên anh T mới bỏ về quê sinh sống, bà cũng được biết anh T vẫn còn yêu thương chị D. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh T, bà mong chị D suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, còn trong trường hợp chị D vẫn quyết tâm xin ly hôn anh T thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị D ly hôn anh T; giao con chung là cháu Vũ Văn Thiện N, sinh ngày 27/6/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D, anh T có quyền thăm nom con chung. Chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 22/02/2022 anh Vũ Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 16/3/2022, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Vũ Văn T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị Kiều D và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết

hôn ngày 03/01/2018 tại UBND phường 7, quận 8, thành phố H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh T và chị D không tôn trọng nhau trong cuộc sống, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt cũng như trong việc nuôi dạy con cái. Chị D động viên khuyên bảo anh T nhiều lần, nhưng anh T vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xảy ra bất hòa và đã sống ly thân nhau gần 3 năm và hiện nay mỗi người sống một nơi.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Văn T biết việc chị D xin ly hôn, nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Đào Thị Kiều D được ly hôn anh Vũ Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: chị D, anh T có một con chung là cháu Vũ Văn Thiện N, sinh ngày 27/6/2018, hiện cháu N đang ở cùng chị D. Chị D có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng; anh T không có ý kiến gì về con chung. HĐXX xét thấy từ nhiều năm nay con chung của vợ chồng đều đang ở cùng với chị D tại phường 7, quận 8, thành phố H. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị D, giao chị D nuôi dưỡng con chung của vợ chồng và không buộc anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con như sự tự nguyện của chị D là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết; còn anh T không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đào Thị Kiều D và anh Vũ Văn T.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Vũ Văn Thiện N, sinh ngày 27/6/2018 cho chị Đào Thị Kiều D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Đào Thị Kiều D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004466 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị D đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND P7, Q8, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

**Hoàng Ngọc Hưng**